

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016
(đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-28
Bảng cân đối kế toán riêng	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-28

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thương Phú (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thương Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 15 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Quang Thành	Chủ tịch	
Ông Hồ Văn Tiến	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Thùy	Thành viên	
Ông Nguyễn Bá Nam	Thành viên	
Ông Nguyễn Xuân Thùy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/01/2016

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hữu Ái	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 06/01/2016
Ông Võ Quang Thành	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 06/01/2016
Ông Nguyễn Phương Nam	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Ngọc Lan	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 19/01/2016
Ông Võ Văn Long	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/01/2016
Ông Võ Ngọc Bằng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 19/01/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

Km19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Hữu Ái
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 25 tháng 01 năm 2017

Số: 154/2017/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thương Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thương Phú được lập ngày 25 tháng 01 năm 2017, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương Phú tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2017

Trương Thị Hoài Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2446-2013-002-1

C.T.T.
PHAN
TOÁN
C
TP.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		57.987.642.693	46.188.118.188
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.793.749.456	7.045.930.519
111	1. Tiền		4.793.749.456	7.045.930.519
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		36.865.399.800	21.903.052.544
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	27.255.512.800	6.200.000.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	9.609.887.000	8.955.752.544
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	5.508.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác		-	1.239.300.000
140	IV. Hàng tồn kho	7	16.221.964.325	17.200.968.636
141	1. Hàng tồn kho		16.221.964.325	17.200.968.636
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		106.529.112	38.166.489
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		106.529.112	38.166.489
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		71.557.929.770	73.128.489.225
220	II. Tài sản cố định		10.120.084.115	11.646.913.639
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	10.120.084.115	11.646.913.639
222	- Nguyên giá		15.037.699.369	15.007.599.369
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(4.917.615.254)	(3.360.685.730)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	58.000.000.000	58.000.000.000
251	1. Đầu tư vào công ty con		58.000.000.000	58.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		3.437.845.655	3.481.575.586
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	3.437.845.655	3.481.575.586
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		129.545.572.463	119.316.607.413

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.332.857.550	8.035.474.562
310	I. Nợ ngắn hạn		6.332.857.550	8.035.474.562
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	10	71.445.000	330.981.000
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		-	1.000.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	666.035.869	339.574.737
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	12	10.426.250	-
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	13	14.982.544	20.540.286
320	6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	14	4.390.000.000	6.800.000.000
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.179.967.887	543.378.539
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		123.212.714.913	111.281.132.851
410	I. Vốn chủ sở hữu	15	123.212.714.913	111.281.132.851
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		100.000.000.000	100.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		100.000.000.000	100.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		1.179.967.887	543.378.539
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		22.032.747.026	10.737.754.312
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		9.464.575.616	4.371.860.832
421b	LNST chưa phân phối năm nay		12.568.171.410	6.365.893.480
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		129.545.572.463	119.316.607.413

Truy

Truy

Hồ Văn Tiến
Người lập

Hồ Văn Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ái
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 25 tháng 01 năm 2017



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Năm 2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	97.375.417.724	87.030.044.000
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		97.375.417.724	87.030.044.000
11	4. Giá vốn hàng bán	18	82.662.744.805	78.780.640.518
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		14.712.672.919	8.249.403.482
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	120.296.067	1.098.771
22	7. Chi phí tài chính	20	565.375.999	668.162.820
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		565.375.999	668.162.820
25	8. Chi phí bán hàng		10.380.000	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	1.014.906.520	876.871.216
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		13.242.306.467	6.705.468.217
31	11. Thu nhập khác		1.242.000	-
32	12. Chi phí khác		9.341.188	-
40	13. Lợi nhuận khác		(8.099.188)	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		13.234.207.279	6.705.468.217
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	666.035.869	339.574.737
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>12.568.171.410</u>	<u>6.365.893.480</u>

Tey

Tey

Hỗ Văn Tiến
Người lậpHỗ Văn Tiến
Kế toán trưởngNguyễn Hữu Ái
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 25 tháng 01 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		13.234.207.279	6.705.468.217
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.556.929.524	1.404.421.188
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(533.929)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(99.160.293)	(564.842)
06	- Chi phí lãi vay		565.375.999	668.162.820
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		15.257.352.509	8.776.953.454
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(20.538.709.879)	(2.498.809.842)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		979.004.311	(1.500.165.969)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(266.093.742)	(9.336.975.716)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		43.729.931	97.489.359
14	- Tiền lãi vay đã trả		(554.949.749)	(668.162.820)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(339.574.737)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.419.241.356)	(5.129.671.534)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(30.100.000)	-
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(5.508.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.508.000.000	-
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		99.160.293	564.842
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		5.577.060.293	(5.507.435.158)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	16.000.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay		16.177.500.000	24.086.000.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(18.587.500.000)	(24.286.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(2.410.000.000)	15.800.000.000
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(2.252.181.063)	5.162.893.308

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Năm 2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		7.045.930.519	1.882.503.282
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	533.929
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>4.793.749.456</u>	<u>7.045.930.519</u>

Trần

Trần



Hồ Văn Tiến
Người lập

Hồ Văn Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ái
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 25 tháng 01 năm 2017



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương Phú được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3200474316 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Trị cấp lần đầu ngày 25 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 15 tháng 01 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa, Tỉnh Quảng Trị.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 100.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 100.000.000.000 đồng; tương đương 10.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất, chế biến hàng nông, lâm, hải sản, cụ thể là cà phê;
- Bán buôn sản phẩm nông nghiệp.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Năm 2016, Công ty thúc đẩy xuất khẩu sản phẩm cà phê Arabica ra thị trường nước ngoài đồng thời công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh tốt hơn dẫn đến doanh thu và hiệu quả kinh doanh năm nay tăng so với năm trước.

Thông tin về công ty con của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.



2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.



2.6 . Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 10 năm
- Máy móc, thiết bị	08 - 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 năm
- Tài sản cố định khác	08 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

0011110
CÔNG TY
CH NHIỆM HỮU
NG KIỂM T
AASC
KIỂM - TP

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16 . Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Ưu đãi thuế

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 10% trên thu nhập tính thuế áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn có điều kiện khó khăn theo quy định. Công ty được miễn thuế TNDN trong 5 năm từ năm 2010 đến năm 2014, và giảm 50% số thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo quy định tại khoản 1 điều 19 và khoản 1 điều 20 thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 "Hướng dẫn thi hành nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp."

2.20 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	193.768.909	1.505.088.227
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.599.980.547	5.540.842.292
	4.793.749.456	7.045.930.519

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**Đầu tư vào Công ty con**

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	58.000.000.000	-	58.000.000.000	-
	58.000.000.000	-	58.000.000.000	-

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Nasan Việt Nam	Hà Nội	96,67%	96,67%	Sản xuất và buôn bán nông, lâm sản

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con trong năm: Xem thuyết minh số 27.

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty Cổ Phần Thanh Hà	-	6.200.000.000
- Công ty Cổ Phần cà phê Tây Bắc	19.693.512.800	-
- Công ty TNHH Tây Hà	7.562.000.000	-
	27.255.512.800	6.200.000.000

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ứng trước tiền cho các hộ nông dân để mua cà phê	9.609.887.000	-	8.955.752.544	-
	9.609.887.000	-	8.955.752.544	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	8.841.479.600	-
Công cụ, dụng cụ	12.420.000	-	-	-
Thành phẩm	11.292.544.325	-	8.359.489.036	-
Hàng hoá	4.917.000.000	-	-	-
	16.221.964.325	-	17.200.968.636	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016**8 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	7.551.699.369	6.030.700.000	1.023.200.000	402.000.000	15.007.599.369
- Mua trong năm	-	30.100.000	-	-	30.100.000
Số dư cuối năm	7.551.699.369	6.060.800.000	1.023.200.000	402.000.000	15.037.699.369
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1.393.890.086	1.291.779.891	511.600.000	163.415.753	3.360.685.730
- Khấu hao trong năm	757.669.940	621.109.584	127.900.000	50.250.000	1.556.929.524
Số dư cuối năm	2.151.560.026	1.912.889.475	639.500.000	213.665.753	4.917.615.254
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	6.157.809.283	4.738.920.109	511.600.000	238.584.247	11.646.913.639
Tại ngày cuối năm	5.400.139.343	4.147.910.525	383.700.000	188.334.247	10.120.084.115

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 4.158.596.941 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Chi phí chuẩn bị mặt bằng nhà xưởng 13.151 m ²	3.353.839.875	3.439.866.407
Chi phí trả trước dài hạn khác	84.005.780	41.709.179
	<u>3.437.845.655</u>	<u>3.481.575.586</u>

10 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH MTV Khoáng Sản Hợp Phát	-	-	209.860.000	209.860.000
Công ty Cổ phần Gáp Việt Nam	-	-	86.000.000	86.000.000
Công ty TNHH MTV TM Tư Thành	69.945.000	69.945.000	-	-
Phải trả các đối tượng khác	1.500.000	1.500.000	35.121.000	35.121.000
	<u>71.445.000</u>	<u>71.445.000</u>	<u>330.981.000</u>	<u>330.981.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hương Phùng, Huyện Hương Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	339.574.737	666.035.869	339.574.737	-	666.035.869
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	2.958.975	2.958.975	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	339.574.737	671.994.844	345.533.712	-	666.035.869

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	10.426.250	-
	10.426.250	-

13 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Bảo hiểm xã hội	12.510.600	12.272.286
- Bảo hiểm y tế	1.748.360	5.724.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	723.584	2.544.000
	14.982.544	20.540.286

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

14 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong năm		31/12/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Hà Đông	6.800.000.000	6.800.000.000	16.177.500.000	18.587.500.000	4.390.000.000	4.390.000.000
	6.800.000.000	6.800.000.000	16.177.500.000	18.587.500.000	4.390.000.000	4.390.000.000

Thông tin chi tiết cho khoản vay ngắn hạn:

Hợp đồng tín dụng số 348/2016/HĐHM-PN/SHB ngày 03/11/2016 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Chi nhánh Hà Đông, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Hạn mức tín dụng: 10 tỷ đồng;
- + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh cà phê;
- + Thời hạn của hợp đồng: từ ngày 03/11/2016 đến ngày 03/11/2017, thời hạn của mỗi khoản vay trong hạn mức tín dụng được quy định cụ thể tại Khế ước nhận nợ nhưng tối đa không vượt quá 06 tháng;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm: 4.390.000.000 đồng;
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: đảm bảo bằng tài sản và máy móc thiết bị tại Nhà máy sản xuất cà phê và một số tài sản hợp pháp của các cá nhân khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.000.000.000	185.652.635	5.087.312.640	25.272.965.275
Tăng vốn trong năm trước	80.000.000.000	-	-	80.000.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	6.365.893.480	6.365.893.480
Phân phối lợi nhuận	-	357.725.904	(715.451.808)	(357.725.904)
Số dư cuối năm trước	100.000.000.000	543.378.539	10.737.754.312	111.281.132.851
Số dư đầu năm nay	100.000.000.000	543.378.539	10.737.754.312	111.281.132.851
Lãi trong năm nay	-	-	12.568.171.410	12.568.171.410
Phân phối lợi nhuận	-	636.589.348	(1.273.178.696)	(636.589.348)
Số dư cuối năm nay	100.000.000.000	1.179.967.887	22.032.747.026	123.212.714.913

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 01/2016/CTP/NQ-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 01 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận lũy kế đến 31/12/2015	100,00%	10.737.754.312
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,93%	636.589.348
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,93%	636.589.348
Lợi nhuận chưa phân phối	88,14%	9.464.575.616

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọc, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Bà Nguyễn Thị Thùy	15,00%	15.000.000.000	74,00%	74.000.000.000
Ông Võ Quang Thành	4,00%	4.000.000.000	12,00%	12.000.000.000
Các cổ đông khác	81,00%	81.000.000.000	14,00%	14.000.000.000
	100%	100.000.000.000	100%	100.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	100.000.000.000	20.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	80.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	100.000.000.000	100.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	10.000.000	10.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	10.000.000	10.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1.179.967.887	543.378.539
	1.179.967.887	543.378.539

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngoại tệ các loại**

	31/12/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	55,87	49,53

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu bán thành phẩm	94.995.937.724	81.070.044.000
Doanh thu bán hàng hóa	2.379.480.000	5.960.000.000
	97.375.417.724	87.030.044.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hường Phùng, Huyện Hường Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	79.483.959.095	70.797.533.985
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.364.233.000	6.862.802.573
Các khoản chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa vụ	814.552.710	1.120.303.960
	82.662.744.805	78.780.640.518

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	99.160.293	564.842
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	21.135.774	533.929
	120.296.067	1.098.771

20 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	565.375.999	668.162.820
	565.375.999	668.162.820

21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	70.161.975	-
Chi phí nhân công	560.728.225	705.051.660
Thuế, phí, lệ phí	5.958.975	5.958.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	264.193.688	144.406.431
Chi phí khác bằng tiền	113.863.657	21.454.150
	1.014.906.520	876.871.216

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.234.207.279	6.705.468.217
Các khoản điều chỉnh tăng	86.510.123	86.026.531
- Chi phí không hợp lệ	86.510.123	86.026.531
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.320.717.402	6.791.494.748
Thuế suất thuế TNDN	10%	10%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	1.332.071.739	679.149.475
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(666.035.870)	(339.574.738)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	666.035.869	339.574.737
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	339.574.737	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(339.574.737)	-
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	666.035.869	339.574.737

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	81.371.900.107	58.078.140.400
Chi phí nhân công	739.225.376	819.513.198
Chi phí khấu hao tài sản cố định	907.999.861	1.404.421.188
Chi phí dịch vụ mua ngoài	303.691.288	107.271.681
Chi phí khác bằng tiền	119.542.308	203.711.636
	83.442.358.940	60.613.058.103

24 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.793.749.456	-	7.045.930.519	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.255.512.800	-	7.439.300.000	-
Các khoản cho vay	-	-	5.508.000.000	-
	32.049.262.256	-	19.993.230.519	-

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	4.390.000.000	6.800.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	86.427.544	351.521.286
Chi phí phải trả	10.426.250	-
	4.486.853.794	7.151.521.286

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚ

Km19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.793.749.456	-	-	4.793.749.456
Phải thu khách hàng, phải thu khác	27.255.512.800	-	-	27.255.512.800
	32.049.262.256	-	-	32.049.262.256
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.045.930.519	-	-	7.045.930.519
Phải thu khách hàng, phải thu khác	7.439.300.000	-	-	7.439.300.000
Các khoản cho vay	5.508.000.000	-	-	5.508.000.000
	19.993.230.519	-	-	19.993.230.519

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2016				
Vay và nợ	4.390.000.000	-	-	4.390.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	86.427.544	-	-	86.427.544
Chi phí phải trả	10.426.250	-	-	10.426.250
	4.486.853.794	-	-	4.486.853.794
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	6.800.000.000	-	-	6.800.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	351.521.286	-	-	351.521.286
	7.151.521.286	-	-	7.151.521.286

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

26 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Sản xuất cà phê VND	Bán buôn hàng nông sản VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	94.995.937.724	2.379.480.000	97.375.417.724
Chi phí bộ phận trực tiếp	80.298.278.033	2.364.466.772	82.662.744.805
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	14.697.659.691	15.013.228	14.712.672.919
Tổng chi phí mua TSCĐ	30.100.000	-	30.100.000
Tài sản bộ phận trực tiếp	58.290.448.240	4.917.000.000	63.207.448.240
Tài sản không phân bổ	-	-	66.338.124.223
Tổng tài sản	58.290.448.240	4.917.000.000	129.545.572.463
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	71.445.000	-	71.445.000
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	6.261.412.550
Tổng nợ phải trả	71.445.000	-	6.332.857.550
Theo khu vực địa lý			
	Nội địa VND	Xuất khẩu VND	Tổng cộng toàn doanh nghiệp VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	92.598.732.800	4.776.684.924	97.375.417.724
Tài sản bộ phận	129.545.572.463	-	129.545.572.463
Tổng chi phí mua TSCĐ	30.100.000	-	30.100.000

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG PHÚKm19, Thôn Cọp, Xã Hướng Phùng, Huyện Hướng Hóa,
Tỉnh Quảng Trị**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

27 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
		VND	VND
Góp vốn		-	58.000.000.000
Công ty CP Nasan Việt Nam	Công ty con	-	58.000.000.000
Cho vay		-	3.900.000.000
Công ty CP Nasan Việt Nam	Công ty con	-	3.900.000.000
Mua hàng hóa		2.364.233.000	-
Công ty CP Nasan Việt Nam	Công ty con	2.364.233.000	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

Công ty không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2016</u>	<u>Năm 2015</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	265.443.387	107.376.000

28 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

*Trần**Trần*

Hồ Văn Tiến
Người lập

Hồ Văn Tiến
Kế toán trưởng

Nguyễn Hữu Ái
Tổng Giám đốc

Quảng Trị, ngày 25 tháng 01 năm 2017